

Số: 07 /2009/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2009

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 179/2004/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUY ĐỊNH:

Chương I

CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 1. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường là các bản chính, bản gốc tài liệu, mẫu vật, số liệu bao gồm các loại dữ liệu quy định tại Điều 3 Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 102/2008/NĐ-CP) đã được xử lý và lưu trữ theo quy định.

2. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo hình thức thể hiện bao gồm:
- a) Số liệu, kết quả thống kê, tổng hợp, báo cáo; số liệu, kết quả điều tra, khảo sát, đánh giá;
 - b) Các quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt;
 - c) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép và các nội dung liên quan đến giấy phép;
 - d) Kết quả giải quyết bồi thường thiệt hại, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo;
 - đ) Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường;
 - e) Kết quả của các dự án, chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường;
 - g) Các mẫu vật, bản đồ, biểu đồ, phim, ảnh, bản vẽ và các vật mang tin khác;
 - h) Hệ quy chiếu quốc gia; hệ thống điểm đo đạc cơ sở, điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng; hệ thống thông tin địa lý;
 - i) Thông tin về tài nguyên và môi trường (thông tin thuộc tính, thông tin quan trắc ...) và các hình thức dữ liệu khác theo quy định.

3. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải được chuyển sang dạng số và lưu trữ theo quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để bảo đảm an toàn, dễ quản lý, truy nhập, tìm kiếm thông tin. Các cơ quan, đơn vị được giao trách nhiệm quản lý Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải có kế hoạch thực hiện số hóa những dữ liệu chưa ở dạng số theo thứ tự ưu tiên về thời gian và tầm quan trọng.

Việc số hóa dữ liệu của Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tùy theo tình hình thực tế của ngành, địa phương. Kinh phí thực hiện số hóa dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường là tập hợp dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá, xử lý, tích hợp và được lưu trữ một cách có hệ thống, có tổ chức dưới dạng tệp dữ liệu lưu trên các hệ thống tin học, các thiết bị lưu trữ và các vật mang tin như các loại ổ cứng máy tính, băng từ, đĩa CD, DVD ... hoặc văn bản, tài liệu được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí.

2. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý;

b) Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường ngành) do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng, lưu trữ, quản lý;

c) Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi là Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương) do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý;

d) Cơ sở dữ liệu thành phần cho các lĩnh vực quản lý đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường, địa chất và khoáng sản, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, biển và hải đảo và các dữ liệu chuyên ngành khác về tài nguyên và môi trường (sau đây gọi là Cơ sở dữ liệu thành phần về tài nguyên và môi trường) do các tổ chức quản lý lĩnh vực chuyên ngành trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý.

Điều 3. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia là tập hợp thống nhất toàn bộ dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên phạm vi toàn quốc được chuẩn hóa theo chuẩn quốc gia trên cơ sở tích hợp cơ sở dữ liệu của từng lĩnh vực thuộc ngành tài nguyên và môi trường, được số hóa để có thể cập nhật, quản lý, khai thác bằng hệ thống công nghệ thông tin.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia được kết nối trực tuyến giữa các Cơ sở dữ liệu của các lĩnh vực thuộc ngành, giữa Trung ương với cấp tỉnh, được kết nối không trực tuyến với các Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường quốc tế và khu vực.

3. Cục Công nghệ thông tin trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia, có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các tổ chức, đơn vị thuộc Bộ có liên quan xây dựng quy định cụ thể phạm vi, mức độ, đối tượng được khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia;

b) Cấp và giao quyền truy cập cho tổ chức, cá nhân đăng ký khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia theo quy định;

c) Thực hiện việc ứng dụng công nghệ để bảo trì, nâng cấp Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia; quản lý, vận hành các máy chủ, thiết bị tin

học, mạng máy tính, bảo đảm sự vận hành của Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia;

d) Xây dựng phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu thống nhất cho các Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường bảo đảm tích hợp các Cơ sở dữ liệu thành phần, Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường ngành, Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương thành hệ thống thông suốt, thống nhất từ Trung ương tới địa phương; hướng dẫn các đơn vị quản lý các Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường sử dụng phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu thống nhất.

4. Căn cứ vào Danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường quốc gia đã được phê duyệt, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin yêu cầu các cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu thành phần về tài nguyên và môi trường quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này cung cấp, tích hợp dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia.

Điều 4. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường ngành, Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường ngành là tập hợp toàn bộ các dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các dữ liệu về tài nguyên và môi trường có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

Cơ quan chuyên môn thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm giúp Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường ngành.

Các tổ chức, đơn vị thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương có trách nhiệm cung cấp dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường ngành theo quy định.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương là tập hợp toàn bộ các dữ liệu về tài nguyên và môi trường được thu thập trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các dữ liệu về tài nguyên và môi trường có liên quan đến công tác quản lý nhà nước, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại địa phương.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị trực thuộc xây dựng, quản lý, lưu trữ, cập nhật, khai thác và sử dụng hiệu quả Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương.

Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có dữ liệu về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương.

Điều 5. Quy định về cung cấp dữ liệu giữa các Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Trách nhiệm cung cấp dữ liệu:

a) Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường ngành, Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương có trách nhiệm cung cấp Danh mục dữ liệu và dữ liệu đã được xử lý cho các Cơ sở dữ liệu thành phần về tài nguyên và môi trường quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này. Dữ liệu cung cấp cho Cơ sở dữ liệu thành phần về tài nguyên và môi trường phải là bản chính, bản gốc tài liệu, mẫu vật, số liệu.

Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu thành phần về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, số hóa các dữ liệu do mình thu thập được và dữ liệu do các Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường ngành, Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương cung cấp để tích hợp vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia theo quy định của Quy chế cung cấp dữ liệu, xây dựng, quản lý, cập nhật, khai thác và bảo trì Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia;

b) Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường ngành, Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương có trách nhiệm cung cấp Danh mục dữ liệu và dữ liệu đã được xử lý có liên quan đến lĩnh vực Bộ, ngành khác phụ trách cho Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của Bộ, ngành đó;

c) Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường ngành có trách nhiệm cung cấp Danh mục dữ liệu và dữ liệu đã được xử lý, được thu thập hoặc có liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của địa phương đó;

d) Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của địa phương có ranh giới tiếp giáp với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm cung cấp Danh mục dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của địa phương giáp ranh đó.

2. Hình thức, thời hạn cung cấp dữ liệu:

a) Hình thức:

- Gửi dữ liệu trực tiếp qua mạng thông tin điện tử;
- Gửi dữ liệu bằng văn bản (qua đường văn bản hành chính, qua đường bưu điện).

b) Thời hạn:

- Việc cung cấp các loại dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được quy định cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường hoặc cung cấp dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thời hạn thực hiện theo đúng quy định, yêu cầu;

- Tần suất, thời gian cung cấp dữ liệu bằng hình thức gửi dữ liệu trực tiếp qua mạng thông tin điện tử thực hiện theo quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan quản lý các Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quy định;

- Cung cấp dữ liệu theo định kỳ: các Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp dữ liệu theo các kỳ: 6 tháng (lấy số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6); một năm (lấy số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12); cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường ngành có trách nhiệm cung cấp dữ liệu một năm/1 lần (lấy số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12).

Điều 6. Yêu cầu đối với dữ liệu được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Tất cả các dữ liệu trước khi được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải được kiểm tra, đánh giá, xử lý theo quy định. Tùy theo loại dữ liệu, cấp độ dữ liệu, hình thức, đặc điểm, tính chất của dữ liệu, mức độ xử lý và cấp độ phổ biến của dữ liệu để cập nhật các dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho hợp lý, khoa học, bảo đảm chính xác, thuận tiện và hiệu quả trong quản lý, khai thác và sử dụng, bảo đảm yêu cầu bảo mật, an toàn dữ liệu.

1. Đối với kết quả của các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường: dữ liệu được cập nhật là toàn bộ hồ sơ kết quả nộp lưu theo quy định về quản lý các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ.

2. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường; các quy hoạch, kế hoạch; số liệu, kết quả thống kê, tổng hợp, báo cáo; số liệu, kết quả điều tra, khảo sát, đánh giá: dữ liệu được cập nhật là các văn bản, tài liệu, hồ sơ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố, ban hành, phê duyệt (có đóng dấu xác nhận).

3. Đối với kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép và các nội dung liên quan đến cấp phép: dữ liệu được cập nhật là toàn bộ hồ sơ và quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Đối với dữ liệu về kết quả giải quyết bồi thường thiệt hại, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo: dữ liệu được cập nhật là toàn bộ hồ sơ vụ việc và việc thực hiện quyết định giải quyết có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 7. Công bố Danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên mạng Internet, trang tin điện tử của các cơ quan Trung ương và địa phương nhằm phục vụ cho cộng đồng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường là danh sách những dữ liệu về tài nguyên và môi trường hiện có kèm theo chỉ dẫn về phương thức tiếp cận, cơ quan quản lý, địa chỉ truy cập, nơi lưu trữ, bảo quản dữ liệu.

2. Cục Công nghệ thông tin, Cơ quan chuyên môn thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là Cơ quan chuyên môn thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường Bộ, ngành) và Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh đánh giá khả năng khai thác, sử dụng, mức độ phổ biến dữ liệu để xây dựng Danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường trình cấp có thẩm quyền công bố theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 102/2008/NĐ-CP.

3. Năm (5) năm một lần, Cục Công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan biên tập, phát hành Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Cơ quan chuyên môn thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường Bộ, ngành biên tập, phát hành Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường của ngành.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan biên tập, phát hành Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của địa phương.

Chương II

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THU THẬP, QUẢN LÝ, CẬP NHẬT, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 8. Cơ quan chuyên môn thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tại Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng định mức, đơn giá, quy chuẩn kỹ thuật trong việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường chuyên ngành trình Bộ trưởng;

b) Xác định những dữ liệu về tài nguyên và môi trường cần thu thập, phối hợp với Cục Công nghệ thông tin xây dựng kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

c) Thu thập, xử lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo kế hoạch đã được phê duyệt theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

d) Tiếp nhận dữ liệu về tài nguyên và môi trường, xây dựng, tích hợp, xử lý, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu chuyên ngành về tài nguyên và môi trường theo phân công; cung cấp dữ liệu chuyên ngành về tài nguyên và môi trường đã tích hợp về Cục Công nghệ thông tin để xây dựng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia theo quy định;

đ) Cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường do mình thu thập, quản lý cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định; thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu chuyên ngành về tài nguyên và môi trường theo quy định;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

2. Cục Công nghệ thông tin trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn, đầu mối giúp Bộ trưởng quản lý việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường, có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Chủ trì xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành hoặc đề trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về cơ chế, chính sách, quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

b) Chủ trì xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành Quy chế cung cấp dữ liệu, xây dựng, quản lý, cập nhật, khai thác và bảo trì Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia;

c) Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng định mức, đơn giá, quy chuẩn kỹ thuật đối với hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường, bao gồm: các chuẩn dữ liệu về tài nguyên và môi trường chuyên ngành, phần mềm dùng chung cho các cơ sở dữ liệu, các dịch vụ khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên mạng Internet, trang điện tử, chính sách an toàn và bảo mật dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, trình Bộ trưởng kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường và tổ chức triển khai,

theo dõi, đơn đốc việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt; tham gia thẩm định các đề án, dự án điều tra, thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường của các đơn vị thuộc Bộ;

đ) Tiếp nhận dữ liệu đã tích hợp của từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ; tổ chức xây dựng, tích hợp, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia; phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường chuyên ngành của từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ; thu thập, xử lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo phân công của Bộ trưởng;

e) Cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường; thu phí khai thác, sử dụng dữ liệu của Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia theo quy định;

g) Xây dựng, trình Bộ trưởng phê duyệt Danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường quốc gia và tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên mạng Internet, trang điện tử của Bộ; biên tập và phát hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường năm (5) năm một lần;

h) Hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ, các Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường, xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

i) Tham mưu cho Bộ trưởng kiểm tra, giám sát, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

3. Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu thành phần về tài nguyên và môi trường:

a) Tổng cục Quản lý đất đai chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý, cập nhật Cơ sở dữ liệu về đất đai;

b) Tổng cục Môi trường chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý, cập nhật Cơ sở dữ liệu về môi trường;

c) Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý, cập nhật Cơ sở dữ liệu về biển và hải đảo;

d) Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý, cập nhật Cơ sở dữ liệu về địa chất và khoáng sản;

đ) Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý, cập nhật Cơ sở dữ liệu về đo đạc và bản đồ;

e) Cục Quản lý tài nguyên nước chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý, cập nhật Cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước;

g) Trung tâm Khí tượng Thủy văn quốc gia chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý, cập nhật Cơ sở dữ liệu về khí tượng thủy văn;

h) Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý, cập nhật Cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu;

i) Vụ Pháp chế chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý, cập nhật Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường;

k) Vụ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý, cập nhật Cơ sở dữ liệu về kết quả của các dự án, chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường; các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về tài nguyên và môi trường;

l) Thanh tra Bộ chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý, cập nhật Cơ sở dữ liệu về kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về tài nguyên và môi trường.

Các cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu thành phần về tài nguyên và môi trường quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g và điểm h khoản này giao trách nhiệm và quy định nhiệm vụ cho một đơn vị trực thuộc làm đầu mối trong việc giúp mình xây dựng, quản lý, cập nhật Cơ sở dữ liệu thành phần về tài nguyên và môi trường.

4. Trung tâm Viễn thám quốc gia cung cấp dữ liệu viễn thám cho các cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu thành phần quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g và điểm h khoản 3 Điều này này theo quy định của pháp luật về cung cấp, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia.

Điều 9. Cơ quan chuyên môn thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giao nhiệm vụ cho Trung tâm Thông tin hoặc một tổ chức trực thuộc làm đầu mối, giúp mình trong việc quản lý việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

2. Cơ quan chuyên môn thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường Bộ, ngành có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng định mức, đơn giá, quy chuẩn kỹ thuật trong việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường của ngành trình Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, trình Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của ngành và tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt;

c) Tiếp nhận dữ liệu về tài nguyên và môi trường, xây dựng, tích hợp, xử lý, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường của ngành;

d) Cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường; thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu của Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của ngành theo quy định;

đ) Xây dựng, trình Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ phê duyệt Danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường của ngành và tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên mạng Internet, trang điện tử của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

e) Tham mưu cho Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 10. Cơ quan chuyên môn thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường ở địa phương.

Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lưu trữ dữ liệu về tài nguyên và môi trường của Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của địa phương.

2. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường áp dụng trên địa bàn;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh và tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt;

c) Tiếp nhận, xử lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường; xây dựng, tích hợp, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương;

d) Cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường; thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu của Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương theo quy định;

đ) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường của địa phương và tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Internet, trang điện tử của Sở và của tỉnh; biên tập, phát hành Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của địa phương;

e) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao.

Chương III

THU THẬP DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Mục I

LẬP, PHÊ DUYỆT, THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THU THẬP DỮ LIỆU

Điều 11. Nguyên tắc, căn cứ lập kế hoạch

1. Nguyên tắc lập kế hoạch:

a) Bảo đảm phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

b) Bảo đảm dữ liệu được thu thập chính xác, đầy đủ, có hệ thống;

c) Bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo nhiệm vụ giữa các tổ chức, đơn vị có liên quan và bảo đảm có sự lồng ghép các hoạt động, nhiệm vụ, phối hợp chặt chẽ trong việc thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường; hạn chế tối đa việc thu thập lại cùng một nguồn dữ liệu; tận dụng nguồn dữ liệu sẵn có;

d) Bảo đảm thực hiện hiệu quả, khả thi, tiết kiệm kinh phí, nguồn lực.

2. Căn cứ lập kế hoạch:

a) Nhu cầu của công tác quản lý nhà nước và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

b) Nhiệm vụ được giao của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Các chương trình, dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 12. Nội dung kế hoạch

1. Yêu cầu của công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.
2. Mục đích, yêu cầu thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường.
3. Các loại dữ liệu về tài nguyên và môi trường cần thu thập, cập nhật.
4. Các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường.
5. Tổ chức, đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ.
6. Kinh phí, thời gian, nguồn nhân lực thực hiện kế hoạch.

Điều 13. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch

Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm theo thẩm quyền.

Điều 14. Lập, phê duyệt kế hoạch

1. Căn cứ vào các quy định tại Điều 11 và Điều 12 Thông tư này, các Sở, ban, ngành của tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xác định dữ liệu cần thu thập, cập nhật, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 hàng năm để tổng hợp, lập kế hoạch dự kiến.

Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp đề xuất của các Sở, ban, ngành và các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật dữ liệu của mình dự thảo kế hoạch; chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh, xong trước ngày 15 tháng 10 hàng năm.

Sau khi phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải gửi một bản kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của mình đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có phạm vi quản lý nhà nước liên quan đến các dữ liệu cần thu thập theo kế hoạch đã phê duyệt.

2. Căn cứ vào các quy định tại Điều 11 và Điều 12 Thông tư này, các đơn vị trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xác định dữ liệu cần thu thập, cập nhật, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường, gửi về Cơ quan chuyên môn thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trước ngày 15 tháng 10 hàng năm để tổng hợp, lập kế hoạch dự kiến.

Cơ quan chuyên môn thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổng hợp đề xuất của các đơn vị, xem xét các nội dung thu thập, cập nhật dữ liệu có liên quan trong kế hoạch của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được phê duyệt, chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan trình Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ phê duyệt kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, xong trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

Sau khi phê duyệt, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phải gửi một bản kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của mình đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có phạm vi quản lý nhà nước liên quan đến các dữ liệu cần thu thập theo kế hoạch đã phê duyệt và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Căn cứ vào các quy định tại Điều 11 và Điều 12 Thông tư này, các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định dữ liệu cần thu thập, cập nhật, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường, gửi về Cục Công nghệ thông tin trước ngày 15 tháng 11 hàng năm để tổng hợp, lập kế hoạch dự kiến.

Cục Công nghệ thông tin tổng hợp đề xuất của các đơn vị; xem xét các nội dung thu thập, cập nhật dữ liệu có liên quan trong kế hoạch của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đã được phê duyệt, chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính, trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của Bộ, xong trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

Sau khi phê duyệt, Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi một bản kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của mình đến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 15. Thực hiện kế hoạch

1. Cục Công nghệ thông tin, Cơ quan chuyên môn thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm giúp Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm.

2. Việc thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường. Nội dung dữ liệu thu thập, cập nhật phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả; ưu tiên mục tiêu sử dụng dài hạn; ưu tiên dữ liệu có thể dùng cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau.

3. Trường hợp pháp luật quy định việc thu thập dữ liệu phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì đơn vị được giao chủ trì việc thu thập dữ liệu phải làm thủ tục xin phép theo quy định và chỉ được tiến hành thu thập dữ liệu sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

4. Việc thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

5. Các hình thức thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường:

a) Yêu cầu cung cấp dữ liệu, tiếp nhận dữ liệu từ các tổ chức, cá nhân theo quy định;

b) Quan trắc, điều tra, khảo sát;

c) Nghiên cứu, dự báo;

d) Tổng hợp, tạo lập dữ liệu và các hình thức khác.

Điều 16. Giao nộp dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm giao nộp cho các Cơ quan chuyên môn thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Dữ liệu giao nộp phải là các bản chính, bản gốc.

Mục II

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ, XỬ LÝ DỮ LIỆU ĐÃ ĐƯỢC THU THẬP

Điều 17. Nguyên tắc kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu

1. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá, xử lý.

2. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu phải tuân theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

3. Cơ quan chủ trì thu thập, tiếp nhận dữ liệu có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu.

Điều 18. Nội dung kiểm tra, đánh giá dữ liệu

1. Dữ liệu phải được kiểm tra, đánh giá theo các nội dung sau:

a) Kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ quy định, quy trình, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật trong việc thu thập dữ liệu;

b) Kiểm tra, đánh giá về cơ sở khoa học, giá trị pháp lý, mức độ tin cậy và độ chính xác của dữ liệu;

c) Kiểm tra, đánh giá về trạng thái vật lý của dữ liệu;

d) Đánh giá về mức độ tổng hợp, khái quát của dữ liệu;

đ) Đánh giá về giá trị khai thác, sử dụng của dữ liệu.

2. Kiểm tra, đánh giá dữ liệu trong trường hợp tổ chức, cá nhân đầu tư điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu hiến tặng:

Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu trong trường hợp tổ chức, cá nhân đầu tư điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu hiến tặng tuân theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong trường hợp thấy cần thiết thì thủ trưởng cơ quan tiếp nhận dữ liệu thành lập Hội đồng tư vấn để kiểm tra, đánh giá dữ liệu được hiến tặng.

Điều 19. Xử lý dữ liệu

1. Xử lý dữ liệu là việc biên tập, chỉnh sửa, tổng hợp, sắp xếp, phân loại dữ liệu và áp dụng các biện pháp công nghệ, kỹ thuật theo các quy định, quy trình, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật bảo đảm tính chính xác, tin cậy, thống nhất của dữ liệu nhằm phục vụ việc quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng và lưu trữ, bảo quản dữ liệu.

2. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường được biên tập, chỉnh sửa, sắp xếp, tổng hợp theo các mức độ sau:

a) Dữ liệu sơ cấp là dữ liệu có được qua hoạt động thu thập dữ liệu chưa được chuẩn hóa, chỉnh lý;

b) Dữ liệu thứ cấp là dữ liệu đã được chuẩn hóa theo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (dữ liệu cơ bản);

c) Dữ liệu nâng cao là dữ liệu thứ cấp đã được tổng hợp, chỉnh lý, cập nhật nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng dữ liệu để đáp ứng nhu cầu cho một hay nhiều mục đích cụ thể;

d) Bộ dữ liệu là tập hợp các dữ liệu có liên quan chặt chẽ với nhau mô tả đặc tính của đối tượng xem xét.

3. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường được sắp xếp, phân loại theo các tiêu chí sau:

- a) Theo loại dữ liệu quy định tại Điều 3 Nghị định số 102/2008/NĐ-CP;
- b) Theo cấp độ tổng hợp của dữ liệu: dữ liệu cấp quốc gia, dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu cấp địa phương;
- c) Theo mức độ phổ biến: mật; khai thác, sử dụng có điều kiện; khai thác, sử dụng rộng rãi.

4. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải được xử lý về mặt vật lý, hóa học và chuẩn hóa, số hóa dữ liệu để lưu trữ, bảo quản.

Chương IV

CUNG CẤP, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 20. Nguyên tắc cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu

1. Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.
2. Tạo điều kiện cho cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân tiếp cận nhanh chóng, dễ dàng, tránh phải cung cấp nhiều lần cùng một nội dung dữ liệu.
3. Tạo thuận lợi cho các hoạt động trên môi trường mạng.
4. Bảo đảm đầy đủ, chính xác, theo đúng thời hạn và nội dung yêu cầu.
5. Bảo đảm sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả.
6. Phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.
7. Phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu. Việc cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu phải tuân theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.
8. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể về thẩm quyền cung cấp, phạm vi, mức độ, đối tượng được khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên, môi trường do mình quản lý theo quy định của pháp luật.
9. Các Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường ngành, Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương tham gia nối mạng với Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia được quyền khai thác, sử dụng miễn phí các dữ liệu cần thiết để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

Điều 21. Cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu trên mạng Internet, trang điện tử

1. Tổ chức, cá nhân được khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên mạng Internet, trang điện tử không phải trả phí khai thác, sử dụng dữ liệu đối với các trường hợp sau:

a) Khai thác, sử dụng Danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

b) Khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường mà theo quy định của pháp luật phải được công khai, phổ biến rộng rãi, không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

2. Tổ chức, cá nhân được khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên mạng Internet, trang điện tử theo đăng ký và được cấp quyền truy cập, khai thác, sử dụng dữ liệu từ các Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường. Đơn vị được giao quản lý Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp quyền truy cập cho các tổ chức, cá nhân đăng ký.

3. Tổ chức, cá nhân được cấp quyền truy cập có trách nhiệm:

a) Truy cập đúng địa chỉ, mã khoá; không được làm lộ địa chỉ, mã khoá truy cập đã được cấp;

b) Chỉ được khai thác, sử dụng dữ liệu trong phạm vi được cấp, không xâm nhập trái phép Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường; sử dụng dữ liệu đúng mục đích;

c) Quản lý nội dung các dữ liệu đã khai thác, không được cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác trừ trường hợp đã thỏa thuận, được phép của cơ quan được giao quản lý Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

d) Không được thay đổi, xóa, huỷ, sao chép, tiết lộ, hiển thị, di chuyển trái phép một phần hoặc toàn bộ dữ liệu; không được tạo ra hoặc phát tán chương trình phần mềm làm rối loạn, thay đổi, phá hoại Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường; thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý dữ liệu về những sai sót của dữ liệu đã cung cấp;

đ) Thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ tài chính;

e) Tuân theo các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; chịu trách nhiệm về sai phạm do khai thác, sử dụng dữ liệu gây ra.

4. Đơn vị quản lý Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm thông báo về việc tạm ngừng cung cấp dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên môi trường mạng:

a) Trừ trường hợp bất khả kháng, phải thông báo công khai chậm nhất là 07 (bảy) ngày làm việc trước khi chủ động tạm ngừng cung cấp dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên mạng để sửa chữa, khắc phục các sự cố hoặc nâng cấp, mở

rộng cơ sở hạ tầng thông tin; nội dung thông báo phải nêu rõ khoảng thời gian dự kiến phục hồi các hoạt động cung cấp dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên môi trường mạng;

b) Tiến hành các biện pháp khắc phục sự cố ngay sau khi hệ thống thông tin của mình bị lỗi trong quá trình hoạt động làm ảnh hưởng nghiêm trọng hoặc gây ngừng cung cấp dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên môi trường mạng.

5. Đơn vị quản lý Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm bảo đảm hệ thống công nghệ thông tin và Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Bảo đảm cho tổ chức, cá nhân truy nhập thuận tiện; có công cụ tìm kiếm dữ liệu dễ sử dụng và cho kết quả đúng nội dung cần tìm kiếm;

b) Khuôn dạng dữ liệu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định để dễ dàng tải xuống, hiển thị nhanh chóng và in ấn bằng các phương tiện điện tử phổ biến;

c) Hỗ trợ tổ chức, cá nhân truy nhập và sử dụng các biểu mẫu trên trang thông tin điện tử của Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường (nếu có);

d) Bảo đảm tính chính xác và sự thống nhất về nội dung của dữ liệu trên trang thông tin điện tử của Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

đ) Cập nhật thường xuyên và kịp thời dữ liệu trên trang thông tin điện tử của Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

e) Quy định rõ thời hạn tồn tại trực tuyến của từng loại thông tin;

g) Thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể hình thức khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường từ Internet và trang điện tử phù hợp với thực tế địa phương.

7. Việc cung cấp dữ liệu, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên mạng Internet, trang điện tử phải tuân thủ theo đúng các quy định của Luật Giao dịch điện tử, Luật Công nghệ thông tin và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 22. Khai thác và sử dụng dữ liệu thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường nộp phiếu yêu cầu hoặc gửi văn bản yêu cầu cho các cơ quan quản lý dữ liệu.

2. Khi nhận được phiếu yêu cầu, văn bản yêu cầu hợp lệ của tổ chức, cá nhân, cơ quan quản lý dữ liệu thực hiện việc cung cấp dữ liệu cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu khai thác và sử dụng dữ liệu. Trường hợp từ chối cung cấp dữ liệu thì phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

3. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu được thực hiện theo các quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 102/2008/NĐ-CP.

Điều 23. Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu

1. Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu về tài nguyên, môi trường phải có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu;
- b) Danh mục và nội dung dữ liệu cần cung cấp;
- c) Mục đích sử dụng dữ liệu;
- d) Hình thức khai thác, sử dụng dữ liệu và phương thức nhận kết quả.

2. Văn bản yêu cầu của cơ quan, tổ chức phải có chữ ký của thủ trưởng cơ quan và đóng dấu xác nhận. Phiếu yêu cầu của cá nhân phải ghi rõ họ tên, địa chỉ và chữ ký của người yêu cầu cung cấp dữ liệu theo Mẫu 01 kèm theo Thông tư này.

3. Trường hợp người có nhu cầu sử dụng dữ liệu về tài nguyên, môi trường là cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thì văn bản yêu cầu phải được tổ chức, doanh nghiệp nơi người đó đang làm việc ký xác nhận, đóng dấu; đối với các chuyên gia, thực tập sinh là người nước ngoài đang làm việc cho các chương trình, dự án tại các Bộ, ngành, địa phương hoặc học tập tại các cơ sở đào tạo tại Việt Nam thì phải được cơ quan có thẩm quyền của Bộ, ngành, địa phương hoặc các cơ sở đào tạo đó ký xác nhận, đóng dấu theo Mẫu 02 kèm theo Thông tư này.

Điều 24. Trình tự, thủ tục cung cấp dữ liệu

1. Việc nộp văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu được thực hiện theo một trong các phương thức sau:

- a) Nộp trực tiếp tại các cơ quan quản lý dữ liệu;
- b) Gửi qua đường công văn, fax, bưu điện. Việc gửi yêu cầu qua đường công văn, fax được thực hiện trong trường hợp người yêu cầu là các cơ quan nhà nước.

2. Cơ quan quản lý dữ liệu tiếp nhận kiểm tra văn bản, phiếu yêu cầu, thông báo nghĩa vụ tài chính (trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính) cho tổ chức, cá nhân.

3. Sau khi tổ chức, cá nhân thực hiện xong nghĩa vụ tài chính, Cơ quan quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác các dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân. Trường hợp từ chối cung cấp dữ liệu thì phải nêu rõ lý do và trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết.

Điều 25. Những trường hợp không cung cấp dữ liệu

1. Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu mà nội dung không rõ ràng, cụ thể; yêu cầu khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước không đúng quy định.

2. Văn bản yêu cầu không có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu xác nhận đối với tổ chức; phiếu yêu cầu không có chữ ký, tên và địa chỉ cụ thể của cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu.

3. Mục đích sử dụng dữ liệu không phù hợp theo quy định của pháp luật.

4. Không thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Điều 26. Khai thác và sử dụng dữ liệu bằng hình thức hợp đồng

Việc khai thác, sử dụng dữ liệu bằng hình thức hợp đồng thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự giữa cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu và tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng dữ liệu. Mẫu hợp đồng cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo Mẫu 03 kèm theo Thông tư này.

Điều 27. Cung cấp dữ liệu phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh, phục vụ yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc trong tình trạng khẩn cấp

Trường hợp cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường để phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh, phục vụ yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc trong tình trạng khẩn cấp, các đơn vị quản lý Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan, không thu phí khai thác, sử dụng.

Chương V

PHỐI HỢP, CHIA SẺ DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 28. Nguyên tắc phối hợp, chia sẻ dữ liệu về tài nguyên và môi trường giữa các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Phối hợp, chia sẻ dữ liệu về tài nguyên và môi trường giữa các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là việc trao đổi, cung cấp các dữ liệu giữa các Bộ,

ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, giữa các Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường và giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trên nguyên tắc:

1. Bảo đảm việc tiếp cận và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường phục vụ kịp thời cho việc đánh giá, dự báo, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, tổ chức; bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo nhiệm vụ giữa các tổ chức, đơn vị có liên quan và bảo đảm có sự phối hợp chặt chẽ trong việc thu thập, quản lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

3. Bảo đảm dữ liệu được thu thập đầy đủ, chính xác và có hệ thống; thống nhất các dữ liệu đã được thu thập, cập nhật, quản lý.

4. Bảo đảm việc trao đổi, cung cấp dữ liệu được thông suốt, kịp thời; bảo đảm các yêu cầu về an toàn thông tin.

5. Bảo đảm thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng hiệu quả, khả thi, tiết kiệm kinh phí, nguồn nhân lực.

Điều 29. Các nội dung chính cần phối hợp

1. Phối hợp trong quá trình lập kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường:

Trong quá trình lập kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường, cơ quan được giao chủ trì lập kế hoạch gửi dự thảo kế hoạch đến các Bộ, ngành có chức năng quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực dữ liệu cần thu thập, gửi dự thảo kế hoạch đến Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương thuộc địa bàn triển khai thu thập dữ liệu đề nghị đóng góp ý kiến để bảo đảm tránh trùng lặp, chồng chéo nhiệm vụ; trong dự thảo kế hoạch cần nêu rõ những hoạt động, nhiệm vụ sẽ phối hợp thực hiện.

2. Phối hợp trong quá trình thu thập, xử lý dữ liệu:

a) Cục Công nghệ thông tin, Cơ quan chuyên môn thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh thường xuyên thông báo cho nhau về thời gian, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ trong kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

b) Trong quá trình thực hiện việc thu thập, xử lý dữ liệu, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chuyên môn liên quan đến lĩnh vực dữ liệu cần thu thập để bảo đảm việc thu thập, xử lý dữ liệu tuân thủ đúng quy định, quy trình, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật, bảo đảm

chính xác, tin cậy; phối hợp cho chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương trong quá trình thu thập dữ liệu để tiết kiệm kinh phí, nguồn lực, bảo đảm nhiệm vụ được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả.

3. Phối hợp trong quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu:

Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia cung cấp cho các cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường ngành, Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương quyền truy cập để khai thác, sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia thông qua mạng điện tử.

Các cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nghiệp vụ - kỹ thuật cần thiết để bảo mật hệ thống dữ liệu chung, bảo đảm sự chia sẻ dữ liệu chính xác, kịp thời, hiệu quả cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể về việc phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc lập kế hoạch, thu thập, kiểm tra, đánh giá, xử lý, cung cấp dữ liệu và khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu về tài nguyên và môi trường tại địa phương.

Điều 30. Phối hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Các cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường tổ chức thu thập, cập nhật các dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi của từng tổ chức, đơn vị. Các dữ liệu được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải đầy đủ, chi tiết, kịp thời.

2. Việc cung cấp dữ liệu giữa các Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo đúng quy định tại Điều 5 Thông tư này.

3. Các cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường và các tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các dữ liệu cung cấp, chia sẻ.

Chương VI

LƯU TRỮ, BẢO QUẢN DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 31. Lưu trữ, bảo quản dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Việc lưu trữ, bảo quản dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải tuân theo quy định của pháp luật về lưu trữ, các quy định, quy trình, quy phạm và quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

2. Tất cả các dữ liệu thu thập được phải được phân loại, đánh giá, xử lý để có hình thức, biện pháp lưu trữ, bảo quản, bảo vệ phù hợp, bảo đảm an toàn.

Điều 32. Bảo đảm an toàn dữ liệu số về tài nguyên và môi trường

1. Các cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải có các biện pháp quản lý, nghiệp vụ và kỹ thuật đối với hệ thống thông tin nhằm bảo vệ, khôi phục các hệ thống, các dịch vụ và nội dung dữ liệu đối với nguy cơ tự nhiên hoặc do con người gây ra nhằm bảo đảm cho các Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện đúng chức năng, phục vụ đúng đối tượng một cách sẵn sàng, chính xác và tin cậy. Bảo đảm an toàn dữ liệu số về tài nguyên và môi trường bao hàm các nội dung bảo vệ và bảo mật dữ liệu, an toàn dữ liệu, an toàn máy tính và an toàn mạng.

2. Các cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin để bảo đảm việc thu thập, xử lý, cập nhật thông tin một cách đầy đủ, tin cậy, nhanh chóng, chính xác; đồng thời bảo đảm việc lưu trữ dữ liệu an toàn trong cơ sở dữ liệu về các mặt:

a) Lưu trữ vật lý: bảo đảm không bị hỏng hóc các thiết bị lưu trữ thông tin như ổ cứng máy tính, băng từ, đĩa từ,...

b) Tổ chức Logic: số liệu cần đảm bảo an toàn theo đúng các nguyên tắc, định dạng các hệ cơ sở dữ liệu, tránh các hiện tượng cố tình làm hỏng các tổ chức Logic của dữ liệu;

c) Bảo đảm việc an toàn thông tin trên mạng, chống việc thất thoát thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu;

d) Dữ liệu số được lưu trữ trên máy chủ, bảo đảm chống truy nhập trái phép thông qua hệ thống bảo mật với các biện pháp và kỹ thuật tiên tiến.

3. Các cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải có biện pháp bảo đảm tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu, định kỳ 3 (ba) tháng 1 (một) lần phải kiểm tra và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin điện tử.

4. Sao lưu dữ liệu về tài nguyên và môi trường:

a) Dữ liệu số về tài nguyên và môi trường phải được định kỳ 3 (ba) tháng 1 (một) lần sao chép và lưu trữ theo quy định;

b) Dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải được lưu trữ bản dự phòng ít nhất 6 (sáu) tháng 1 (một) lần. Bản dự phòng có thể khôi phục được trong trường hợp có sự cố hỏng hóc thiết bị một cách khách quan;

c) Các dữ liệu lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải được sao chép vào đĩa cứng, đĩa quang (CD, DVD), băng từ theo định kỳ và lưu trữ theo quy trình, quy phạm kỹ thuật, bảo mật và an toàn theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 33. Chế độ bảo mật dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Việc in, sao, chụp, vận chuyển, giao nhận, truyền dữ liệu tài liệu, lưu giữ, bảo quản, cung cấp dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước và các hoạt động khác có liên quan đến dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải tuân theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Cục Công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp với các đơn vị theo dõi, phát hiện những dữ liệu không an toàn bảo mật, kịp thời xử lý nhằm bảo đảm các dữ liệu đưa vào Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường không vi phạm các quy định về danh mục thông tin mật.

3. Cán bộ, nhân viên thực hiện cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường được cấp quyền truy cập, cập nhật riêng nhất định trong từng thành phần dữ liệu, bảo đảm việc quản lý chặt chẽ đối với quyền truy nhập thông tin trong các Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

4. Danh mục tài liệu mật về tài nguyên và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước được quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Các cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường xây dựng quy định cụ thể (danh mục) các dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước; mức độ bảo mật và phương án bảo vệ các dữ liệu.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2009.

Việc giao nộp, gửi báo cáo, tài liệu, số liệu, thông tin liên quan đến các dữ liệu về tài nguyên và môi trường trong các hoạt động nghiệp vụ thực hiện theo các quy định của pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành.

2. Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

Các cơ quan chuyên môn thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT; Website của Bộ;
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Lưu: VT, PC. Tg. 300.

Phạm Khôi Nguyên

BỘ TRƯỞNG



Phạm Khôi Nguyên

www.LuatVietnam.vn

MẪU 01

**MẪU VĂN BẢN, PHIẾU YÊU CẦU
CUNG CẤP DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10 tháng 7 năm 2009
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu:

.....

Số CMTND, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân):

2. Địa chỉ:

.....

3. Số điện thoại, fax, E-mail:

.....

4. Danh mục và nội dung dữ liệu cần cung cấp:

.....

5. Mục đích sử dụng dữ liệu:

.....

6. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ; sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện...):

.....

7. Cam kết sử dụng dữ liệu:

.....

NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP DỮ LIỆU*

* Trường hợp là cơ quan, tổ chức yêu cầu cung cấp dữ liệu thì thủ trưởng cơ quan phải ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu; là cá nhân phải ký, ghi rõ họ tên.

MẪU 02

MẪU PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10 tháng 7 năm 2009
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Kính gửi:

1. Người yêu cầu cung cấp dữ liệu:

.....
.....

2. Quốc tịch/nơi đang làm việc, học tập:

.....
.....

3. Số điện thoại, fax, E-mail:

.....
.....

4. Danh mục và nội dung dữ liệu yêu cầu cung cấp:

.....
.....

5. Mục đích sử dụng dữ liệu:

.....
.....

6. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ; sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện...):

.....
.....

7. Cam kết của người yêu cầu sử dụng dữ liệu:

.....
.....

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC
NƠI ĐANG LÀM VIỆC, HỌC TẬP

NGƯỜI YÊU CẦU

(Ký xác nhận, đóng dấu)

(Ký, ghi rõ họ tên)

MẪU 03

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP, KHAI THÁC, SỬ DỤNG
DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10 tháng 7 năm 2009
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

.....
Số: /HĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG

CUNG CẤP, KHAI THÁC, SỬ DỤNG DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

- Căn cứ Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,

Hôm nay, ngày..... tháng năm , tại, chúng tôi gồm:

1. Bên cung cấp dữ liệu (Bên A):

Cơ sở dữ liệu thuộc

Đại diện:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại, Fax:Email:

Số tài khoản :

2. Bên khai thác, sử dụng dữ liệu (Bên B):

Tên tổ chức, cá nhân:

Đại diện:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại, Fax:Email:

Số tài khoản :

Hai bên thoả thuận ký hợp đồng khai thác, sử dụng dữ liệu như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng:

(về việc cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu)

.....
.....

Điều 2. Thời gian thực hiện:

..... ngày, kể từ ngày tháng..... năm

Điều 3. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả:

- Hình thức khai thác, sử dụng:
- Khai thác sử dụng thông qua việc truy cập:
- Nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp dữ liệu:
- Nhận gửi qua đường bưu điện:

Điều 4. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:

Tiền trả cho việc khai thác, sử dụng dữ liệu là:đồng
(Bằng chữ: đồng)

Trong đó: Tiền khai thác, sử dụng dữ liệu là:đồng

Tiền dịch vụ cung cấp dữ liệu là:đồng

Số tiền đặt trước:đồng

Hình thức thanh toán (*tiền mặt, chuyển khoản*):.....

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của hai bên:

(Phải có đủ nội dung quy định tại Điều 13 Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường).

Điều 6: Bổ sung, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng và xử lý tranh chấp:

Điều 7: Điều khoản chung

1. Hợp đồng này được làm thành bản, có giá trị pháp lý ngang nhau, bên A giữ bản, bên B giữ bản.
2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày

BÊN B

*(Ký tên, đóng dấu đối với tổ chức,
ghi họ tên đối với cá nhân)*

BÊN A

(Ký tên, đóng dấu)